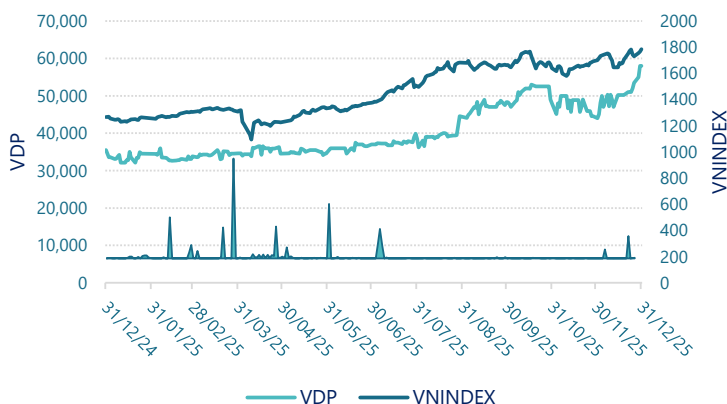


CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA (HSX: VDP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	58,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	58,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,116
SL cổ phiếu LH	22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,090
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,281
P/E	20.0
EPS	2,893

DT thuần

Q4/25

157

tỷ VNĐ

QoQ: ▼202 | -56.3%

YoY: ▼151 | -49.1%

LN sau thuế

Q4/25

19.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.50 | 62.7%

YoY: ▼3.90 | -16.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.5%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

2025

991

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 57.0 | 6.0%

LN sau thuế

2025

63.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.90 | -11.1%

ROE

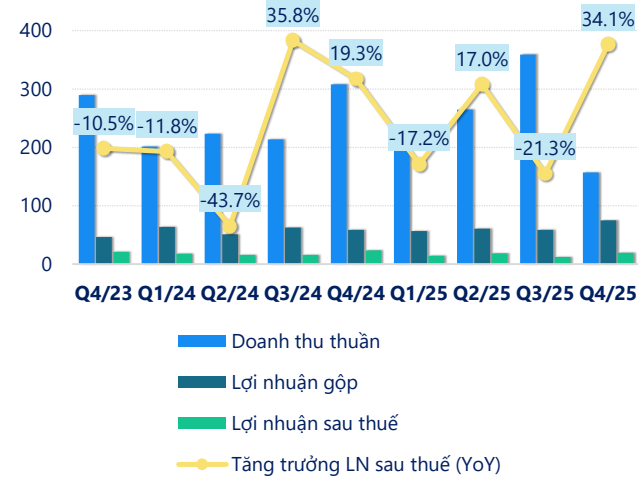
2025

8.5%

+/- YoY: ▼ 1.2%

tỷ VNĐ

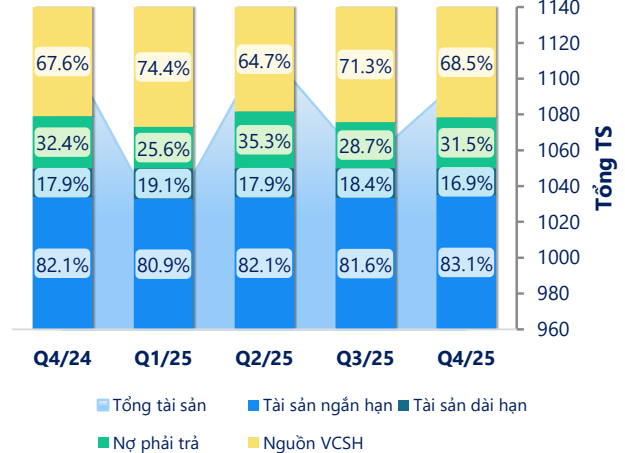
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

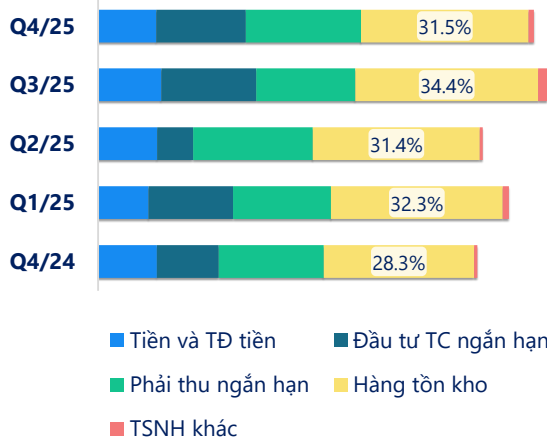
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



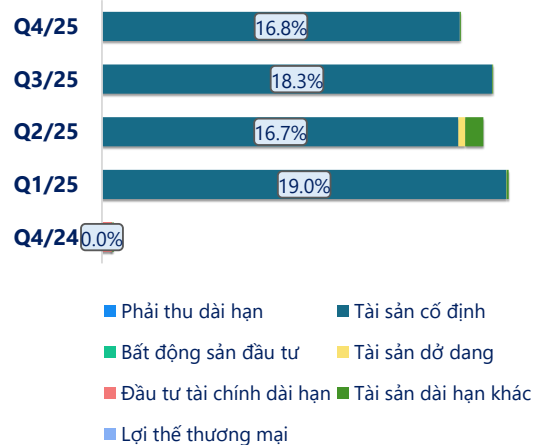
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

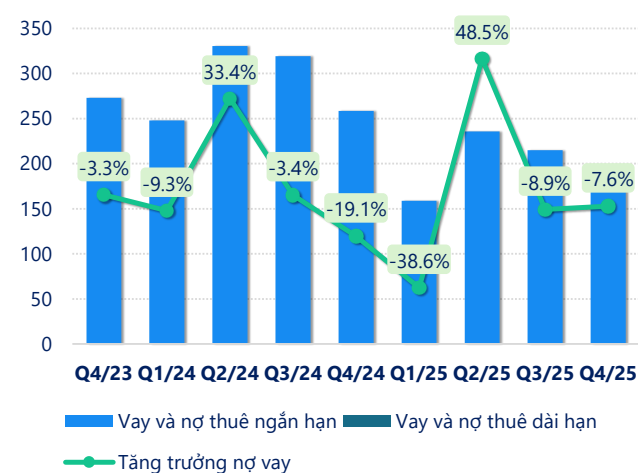
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

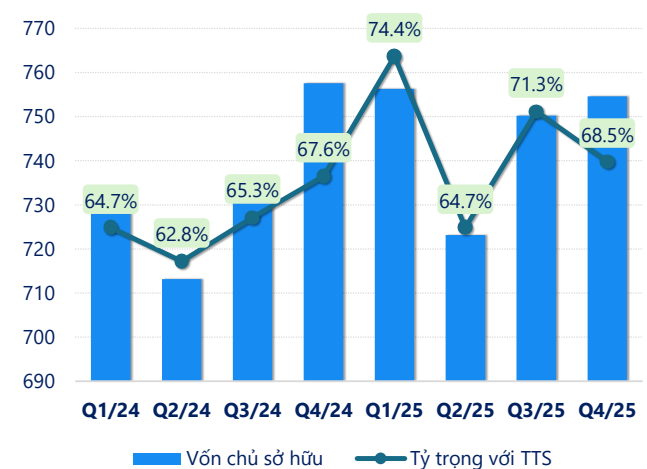
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

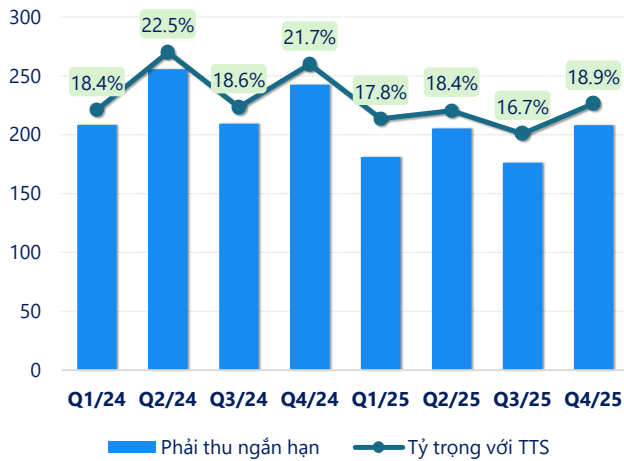
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



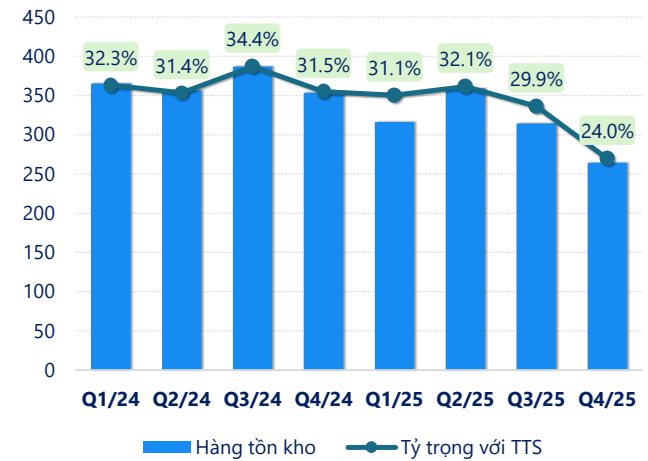
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


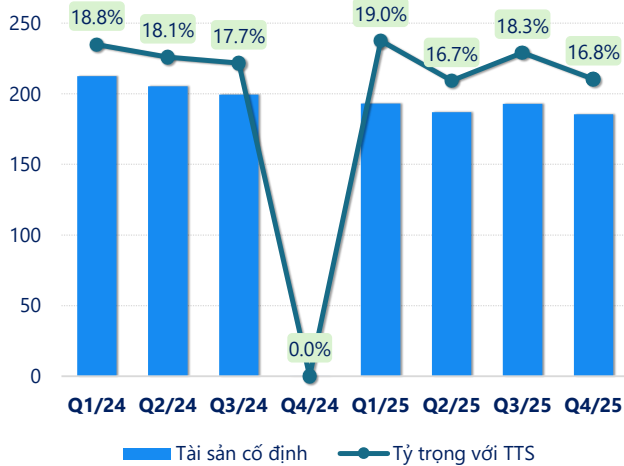
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


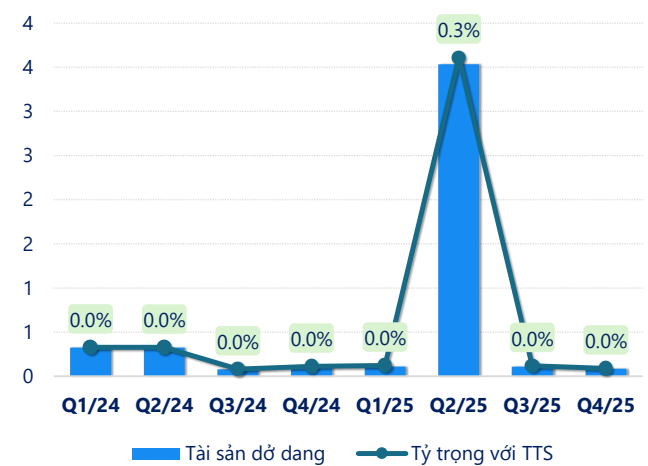
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

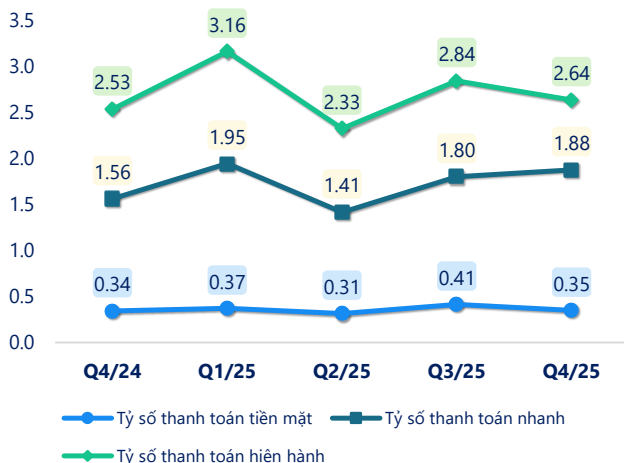
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

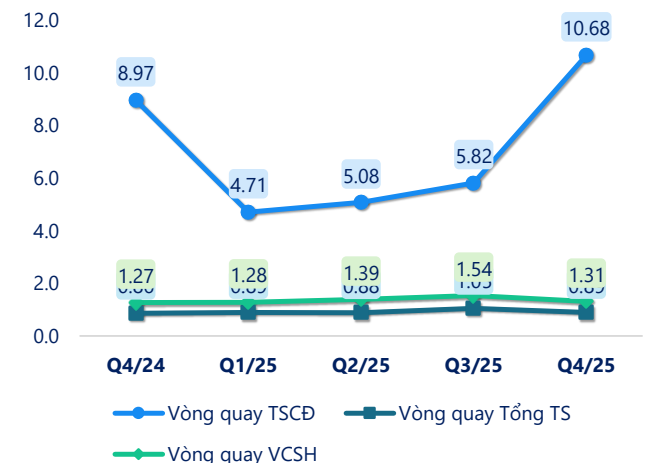
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,120	1,016	1,118	1,052	1,102
Tài sản ngắn hạn	919	822	917	859	916
Tiền và tương đương tiền	124	96.2	124	125	121
Đầu tư tài chính ngắn hạn	189	211	222	223	312
Phải thu ngắn hạn	243	181	205	176	208
Hàng tồn kho	353	316	359	315	264
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	17.4	6.33	20.2	10.7
Tài sản dài hạn	201	194	200	193	186
Phải thu dài hạn	0	0.04	0.30	0.04	0.04
Tài sản cố định	0.04	193	187	193	185
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.11	0.11	3.53	0.11	0.09
Đầu tư tài chính dài hạn	5.00	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.18	0.97	9.50	0.42	0.46
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	363	260	394	302	348
Nợ ngắn hạn	363	260	394	302	348
Vay và nợ thuê ngắn hạn	258	159	236	215	198
Phải trả người bán ngắn hạn	42.1	65.7	108	30.5	98.4
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	758	756	723	750	755
Vốn chủ sở hữu	758	756	723	750	755
Vốn điều lệ	221	221	221	221	221
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)